

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

04/11

1771 113

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/DA21YKC

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021005	Dương Thị Ngọc Kim Ngân	02/06/2003	Nữ	9,0	3,5	6,3	001	<i>[Signature]</i>		
2	116021022	Nguyễn Lâm Ngọc	22/09/2003	Nữ	9,0	6,3	7,7	002	<i>[Signature]</i>		
3	116021024	Lê Xuân	18/08/2003	Nữ	9,0	6,8	7,9	003	<i>[Signature]</i>		
4	116021029	Trần Hoàng	13/10/2002	Nam	9,0	6,5	7,8	004	<i>[Signature]</i>		
5	116021037	Nguyễn Ngọc	06/06/2003	Nam	8,5	5,5	7,0	005	<i>[Signature]</i>		
6	116021053	Trần Đại	01/08/2002	Nam	8,0	4,5	6,3	006	<i>[Signature]</i>		
7	116021054	Lê Minh	26/03/2002	Nam	8,5	6,3	7,4	007	<i>[Signature]</i>		
8	116021056	Danh Thị Ngọc	21/11/2002	Nữ	8,0	5,0	6,5	008	<i>[Signature]</i>		
9	116021059	Lại Gia	19/03/2002	Nam	8,5	7,0	7,8	009	<i>[Signature]</i>		
10	116021069	Nguyễn Hoàng	18/12/2002	Nam	8,0	5,0	6,5	010	<i>[Signature]</i>		
11	116021085	Thạch Chí	25/09/2002	Nam	8,5	5,8	7,2	011	<i>[Signature]</i>		
12	116021089	Lê Thị Minh	08/01/2003	Nữ	9,0	4,3	6,7	012	<i>[Signature]</i>		
13	116021092	Phan Lê	16/12/2003	Nữ	9,5	5,5	7,5	013	<i>[Signature]</i>		
14	116021103	Lê Phương	19/10/2003	Nữ	9,5	6,0	7,8	014	<i>[Signature]</i>		
15	116021111	Nguyễn Duy	08/02/2003	Nam	8,0	4,8	6,4	015	<i>[Signature]</i>		
16	116021123	Nguyễn Ngọc Bảo	10/12/2003	Nữ	8,5	4,5	6,5	016	<i>[Signature]</i>		
17	116021125	Nguyễn Phạm Anh	01/01/2003	Nữ	9,0	5,8	7,4	017	<i>[Signature]</i>		
18	116021136	Nguyễn Trí	16/09/2003	Nam	8,5	5,8	7,2	018	<i>[Signature]</i>		
19	116021166	Phùng Thanh	22/09/2001	Nam	9,0	6,3	7,7	019	<i>[Signature]</i>		
20	116021168	Ngô Thị Yến	14/08/2002	Nữ	8,0	4,8	6,4	020	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]*

Cán bộ ghi điểm: Cao Đức ng. phương lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: *[Signature]**[Signature]*
Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/DA21YKC

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 01 / 2024Phòng thi: Đ11.11.4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021169	Lê Huỳnh Hưng	29/04/2003	Nam	9,5	6,5	8,0	001	Hưng		
2	116021173	Nguyễn Thanh Nhân	01/08/2000	Nam	8,5	5,3	6,9	002	Thanh		
3	116021178	Nguyễn Khang Hi	23/10/2003	Nam	9,0	5,3	7,2	003	Hi		
4	116021187	Lê Thị Kiều My	20/07/2003	Nữ	9,0	6,8	7,9	004	My		
5	116021188	Nguyễn Huỳnh Tú Uyên	26/08/2003	Nữ	8,5	5,8	7,2	005	Uyen		
6	116021192	Lê Thành Công	29/09/2003	Nam	8,5	5,5	7,0	006	Thanh		
7	116021194	Dương Hoàng Phúc	29/04/2003	Nam	9,0	5,3	7,2	007	Phuc		
8	116021195	Đặng Thị Hồng Tím	30/04/2003	Nữ	8,5	6,0	7,3	008	Hong		
9	116021200	Trần Huỳnh Như	23/03/2002	Nữ	9,0	7,0	8,0	009	Thu		
10	116021204	Nguyễn Bùi Trung Hiếu	27/02/2003	Nam	8,5	4,3	6,4	010	Hieu		
11	116021205	Nguyễn Thị Hồng Nhiên	05/12/2003	Nữ	8,5	6,3	7,4	011	Nhan		
12	116021230	Huỳnh Minh Phương	02/01/2003	Nam	8,5	5,0	6,8	012	Phuong		
13	116021231	Lê Thị Ngọc Quyên	22/10/2002	Nữ	9,0	5,5	7,3	013	Quy		
14	116021245	Trà Tuấn Kiệt	28/04/2003	Nam	8,5	6,5	7,5	014	Tuan		
15	116021333	Trần Trung Nghĩa	24/10/2002	Nam	8,5	4,5	6,5	015	Trung		
16	116021334	Trần Thị Thuý Huỳnh	28/06/2003	Nữ	9,5	4,8	7,2	016	Thu		
17	116021335	Nguyễn Thy Oanh	19/03/2003	Nữ	9,0	4,0	6,5	017	Oanh		
18	116021336	Đoàn Thị Thảo Vy	02/11/2002	Nữ	8,0	4,5	6,3	018	Thao		
19	116021337	Lê Huỳnh Thuý Vi	15/05/2003	Nữ	8,5	5,5	7,0	019	Vi		
20	116021343	Nguyễn Thành Triệu	22/06/2003	Nam	8,5	2,8	5,7	020	Tri		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20...Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50...Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim NgọcCán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

D71 112

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/DA21YKC

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021344	Hồ Duy Phong	22/03/2002	Nam	8.0	5.0	6.5	014			
2	116021350	Nguyễn Tấn Phát	20/11/2003	Nam	9.5	4.8	7.2	015			
3	116021353	Huỳnh Nguyễn Gia Hân	07/11/2002	Nữ	8.0	4.5	6.3	016			
4	116021373	Lý Thị Kiều Linh	13/10/1991	Nữ	9.0	4.3	6.7	017			
5	116021374	Đặng Thị Ngọc Bế	09/06/1985	Nữ	8.5	4.5	6.5	018			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: 05

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm: Leul Cao Dương phước lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Leul

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/DA21DDA

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 01 / 2024

Phòng thi: 071.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115421002	Ngô Thị Năm	29/11/2003	Nữ	7,5	3,3	5,4	001	<u>Ans</u>		
2	115421007	Thạch Thị Hồng	28/11/2003	Nữ	7,0	4,3	5,7	002	<u>os</u>		
3	115421009	Nguyễn Ngọc	23/03/2003	Nữ	7,5	3,5	5,5	003	<u>Jul</u>		
4	115421010	Nguyễn Thị	24/01/2003	Nữ	7,0	5,3	6,2	004	<u>Tran</u>		
5	115421011	Nguyễn Ngọc	15/10/2003	Nữ	7,0	3,8	5,4	005	<u>Dum</u>		
6	115421013	Nguyễn Thị Tiểu	30/05/2003	Nữ	7,0	3,8	5,4	006	<u>ThiDuc</u>		
7	115421015	Cao Thị Mỹ	23/02/2003	Nữ	7,0	4,0	5,5	007	<u>My</u>		
8	115421017	Thạch Thị Ngọc	13/05/2003	Nữ	7,0	2,5	4,8	008	<u>Ha</u>		
9	115421021	Tô Thị Mỹ	16/04/2003	Nữ	7,0	3,5	5,3	009	<u>Myhan</u>		
10	115421023	Văng Thị Mỹ	16/06/2003	Nữ	7,5	2,8	5,2	010	<u>Trn</u>		
11	115421033	Thạch Thị Ngọc	27/05/2003	Nữ	9,0	3,0	6,0	011	<u>Trn</u>		
12	115421034	Kiến Thị Nhựt	01/06/2003	Nữ	7,0	3,5	5,3	012	<u>Trn</u>		
13	115421039	Nguyễn Huỳnh	2003	Nam	7,5	4,3	5,9	013	<u>Trn</u>		
14	115421046	Tăng Lâm Diễm	18/11/2003	Nữ	7,0	5,3	6,2	014	<u>Trn</u>		
15	115421049	Thạch Hoàng	18/06/2003	Nam	8,0	3,5	5,8	015	<u>Trn</u>		
16	115421056	Trần Thị Thanh	26/09/2003	Nữ	—	—	—	—	—		
17	115421060	Thạch Thanh	14/12/2003	Nam	6,0	3,3	4,7	017	<u>Trn</u>		
18	115421067	Phan Thị Huỳnh	28/10/2003	Nữ	9,0	2,8	5,9	018	<u>Trn</u>		
19	115421073	Đỗ Thanh Thiên	22/09/2003	Nữ	7,0	3,3	5,2	019	<u>Trn</u>		
20	115421076	Nguyễn Thị Thùy	04/08/2003	Nữ	9,0	3,3	6,2	020	<u>Trn</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phước Lan

Cán bộ kiểm tra: Trn

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

411

071.110

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/DA21DDA

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04/01/2024

Phòng thi: 071.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115421077	Kim Mai Bích	Phượng	2002	Nữ	8,5	4,3	6,4	001	B	
2	115421082	Đặng Quách Ngọc	Quý	05/06/2003	Nữ	7,0	4,8	5,9	002	F	
3	115421088	Lý Băng	Tâm	21/12/2003	Nữ	7,0	3,5	5,3	003	Zu	
4	115421092	Sơn Thị Xuân	Thảo	02/09/2003	Nữ	8,0	4,0	6,0	004	H	
5	115421093	Cao Thị Thanh	Thảo	22/12/2003	Nữ	8,5	4,5	6,5	005	an	
6	115421096	Lê Thị Kim	Thoa	15/03/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	006	thoa	
7	115421101	Nguyễn Thị Anh	Thư	13/09/2003	Nữ	6,5	4,0	5,3	007	H	
8	115421105	Thạch Thị Mộng	Tiền	10/03/2003	Nữ	6,5	3,3	4,9	008	ca	
9	115421110	Lê Thị Bảo	Trân	03/02/2003	Nữ	7,0	4,3	5,7	009	hs	
10	115421116	Lê Thị Bảo	Trân	02/07/2003	Nữ	8,0	3,5	5,8	010	han	
11	115421118	Thạch Thị Hoài	Trang	06/12/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	011	Trang	
12	115421120	Huỳnh Ngọc	Trình	30/11/2003	Nữ	7,0	2,0	4,5	012	Trình	
13	115421121	Lâm Thị Tuyết	Trình	28/05/2003	Nữ	7,5	3,5	5,5	013	ty	
14	115421130	Lê Thị Ánh	Tuyết	27/10/2003	Nữ	7,0	4,3	5,7	014	Tuyết	
15	115421133	Nguyễn Trần Thảo	Vy	02/09/2003	Nữ	8,0	4,3	6,2	015	sa	
16	115421142	Nguyễn Hồ Thu	Ngân	13/04/2003	Nữ	8,0	3,5	5,8	016	nga	
17	115421169	Vũ Thị Phương	Thanh	24/02/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	017	thuc	
18	115421274	Đinh Hà Tuyết	Trình	19/09/2003	Nữ	7,0	4,3	5,7	018	ke	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ: Thi trên máy

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Lệ

for

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Luok

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/DA21XD

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04/01/2024Phòng thi: Đ71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111721002	Đỗ Trí	Đông	12/01/2003	Nam	7,0	3,5	5,3	001	<u>Đỗ Trí</u>	
2	111721005	Võ Nguyễn Gia	Huy	20/04/2003	Nam	7,5	2,8	5,2	002	<u>Huy</u>	
3	111721006	Nguyễn Tuấn	Kha	30/01/2003	Nam	8,0	3,5	5,8	003	<u>Nguyễn Tuấn</u>	
4	111721007	Trần Chí	Khang	16/08/2003	Nam	8,5	—	—	—	—	
5	111721009	Trần Tuấn	Kiệt	15/03/2003	Nam	7,0	3,3	5,2	005	<u>Trần Tuấn</u>	
6	111721010	Cao Văn	Mãi	05/09/2003	Nam	8,0	3,3	5,7	006	<u>Cao Văn</u>	
7	111721011	Lâm Phương	Nam	06/04/2003	Nam	7,0	4,3	5,7	007	<u>Lâm Phương</u>	
8	111721012	Nguyễn Hoài	Ngoan	17/06/2003	Nam	6,0	4,3	5,2	008	<u>Nguyễn Hoài</u>	
9	111721013	Thạch Anh	Như	29/08/2003	Nam	7,0	3,3	5,2	009	<u>Thạch Anh</u>	
10	111721014	Thạch Rac	Sa	15/08/2000	Nam	—	—	—	—	—	
11	111721015	Thạch Ra	Si	12/12/2001	Nam	—	—	—	—	—	
12	111721016	Trần Triệu	Tân	30/10/2003	Nam	7,5	3,0	5,3	012	<u>Trần Triệu</u>	
13	111721017	Diệp Bích	Thanh	29/05/1999	Nữ	8,5	5,8	7,2	013	<u>Diệp Bích</u>	
14	111721022	Nguyễn Tấn	Vinh	16/09/2003	Nam	7,5	3,3	5,4	014	<u>Nguyễn Tấn</u>	
15	111721024	Mai Bảo	Yến	19/10/2003	Nữ	8,0	3,8	5,9	015	<u>Mai Bảo</u>	
16	111721028	Sơn Khem Ma	Ra	09/11/2003	Nam	7,0	2,0	4,5	016	<u>Sơn Khem Ma</u>	
17	111721034	Trần Dương Tuấn	Anh	16/11/2003	Nam	7,5	1,8	4,7	017	<u>Trần Dương Tuấn</u>	
18	111721035	Mai Quang	Đại	23/07/2002	Nam	7,0	3,5	5,3	018	<u>Mai Quang</u>	
19	111721036	Ngô Kim	Bảo	25/05/2003	Nam	7,5	2,5	5,0	019	<u>Ngô Kim</u>	
20	111721052	Trịnh Hoàng	Minh	18/04/2003	Nam	7,0	4,0	5,5	020	<u>Trịnh Hoàng</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Đạt

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương LanCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/DA21XD

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 01 / 2024

Phòng thi: 071.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111721053	Kim	Trọng	01/06/2003	Nam	7.0	3,5	5.3	011			
2	111721058	Trần Việt	Hào	06/07/2000	Nam	9.0	3.3	6.2	012			
3	111721059	Đặng Minh	Quang	05/03/2003	Nam	8.5	2.3	5.4	013			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: 03

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm: Đào Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/DA21KDHT

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112121090	Lê Minh Vũ	19/08/2003	Nam	8,0	3.8	5,9	001			
2	112121127	Nguyễn Ngọc Duy	27/06/2003	Nam	8,0	2.0	5,0	002			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02...

Tổng số tờ: 02.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:.....



Cán bộ ghi điểm: Ca Lê Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Ca Lê Cao Dương Phương Lan



Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/DA21NN

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114721002	Nguyễn Minh Hiền	25/02/2003	Nam	9,0	5,3	7,2	003			
2	114721003	Nguyễn Huỳnh Kiên	09/02/2003	Nam	9,0	4,5	6,8	004			
3	114721006	Trương Thị Huỳnh Như	13/12/2003	Nữ	9,0	2,8	5,9	005			
4	114721008	Nguyễn Văn Quý	16/05/2003	Nam	8,5	4,8	6,7	006			
5	114721010	Trần Thanh Trúc	11/01/2003	Nữ	9,5	3,8	6,7	007			
6	114721012	Lương Trung Phong	21/12/2003	Nam	8,0	4,3	6,2	008			
7	114721020	Trần Vũ Luân	21/07/2003	Nam	9,0	3,8	6,4	009			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07...

Tổng số tờ: 07...

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/DA21THA

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114321066	Mai Tâm Như	19/10/2003	Nữ	8.5	3.5	6.0	010	<u>Phil</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01...

Tổng số tờ: 01.....

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...%

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ ghi điểm: Laill Cao Dương Phương Lan

Nguyễn Thế Nhân

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: laill

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (60 -)/DA21YKD

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 01 / 2024

Phòng thi: D.7.1.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021325	Nguyễn Tân Thành Long	21/04/2002	Nam							Cam Phu

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ: 00

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Nhân

Cán bộ ghi điểm: Leah Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Nhân

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành